

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí ngày 09 tháng 6 năm 2000 và ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2021, áp dụng từ năm tài chính 2021, thay thế Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ ban hành Quy chế tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực, Công ty mẹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2015/NĐ-CP, đối với

các nội dung Nghị định số 06/2015/NĐ-CP không có quy định thì thực hiện theo quy định pháp luật thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUY CHẾ****Quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam**

*(Kèm theo Nghị định số 36/2021/NĐ-CP
ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; bao gồm việc quản lý vốn của Công ty mẹ đầu tư vào doanh nghiệp khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của pháp luật nơi doanh nghiệp được thành lập.

2. Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (bao gồm cả người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác) có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Quy chế này. Đối với những vấn đề chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản của pháp luật có liên quan.

3. Căn cứ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này; Công ty mẹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế quản lý tài chính đối với công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” là nhóm doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân (sau đây gọi tắt là Tập đoàn), bao gồm: Công ty mẹ; các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn; các doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.

2. “Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” là doanh nghiệp cấp I trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 và được chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Công ty mẹ).

3. “Tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà” là phần lợi nhuận sau khi nộp các loại thuế được chia cho nước chủ nhà từ các hợp đồng dầu khí, không bao gồm lợi nhuận từ khí đồng hành được chuyển giao miễn phí cho nước chủ nhà.

4. “Tiền lãi dầu khí được chia của nhà thầu” là phần lợi nhuận sau thuế được chia cho nhà thầu từ các hợp đồng dầu khí.

5. “Chi phí thu hồi dầu khí” là các khoản chi phí mà Công ty mẹ được phép thu hồi tại các hợp đồng dầu khí để bù đắp chi phí sản xuất.

6. “Tiền hoa hồng chữ ký” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà khi ký hợp đồng dầu, khí.

7. “Tiền hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà sau khi kết quả thăm lượng cho thấy mỏ có giá trị thương mại và nhà thầu tuyên bố phát hiện thương mại.

8. “Tiền hoa hồng sản xuất” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà tương ứng với từng mức sản lượng khai thác được quy định cụ thể tại Hợp đồng dầu khí.

9. “Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu, khí” là khoản tiền nhà thầu phải trả cho Công ty mẹ để được đọc và sử dụng các tài liệu dầu khí có sẵn và tiền sử dụng tài liệu dầu khí mà Công ty mẹ thu được/được chia từ các hợp đồng địa chấn không độc quyền.

10. “Cam kết nghĩa vụ đào tạo” là khoản tiền cam kết của nhà thầu được quy định trong Hợp đồng dầu khí nhằm mục đích đào tạo cán bộ, công nhân viên dầu khí.

11. “Tiền đền bù không thực hiện các cam kết tối thiểu” là khoản tiền mà nhà thầu phải trả cho nước chủ nhà trong trường hợp nhà thầu chấm dứt hợp đồng dầu khí khi chưa thực hiện hết các cam kết tối thiểu quy định trong hợp đồng.

12. "Nước chủ nhà" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

13. "Nhà thầu" là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở Hợp đồng dầu khí.

Chương II

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY MẸ

Mục 1

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY MẸ

Điều 3. Vốn của Công ty mẹ

Vốn của Công ty mẹ bao gồm vốn nhà nước tại Công ty mẹ, vốn do Công ty mẹ tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật. Công ty mẹ có trách nhiệm tổ chức hạch toán, theo dõi riêng từng nguồn vốn theo quy định hiện hành.

Điều 4. Vốn Điều lệ của Công ty mẹ

1. Vốn điều lệ của Công ty mẹ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là Điều lệ của Công ty mẹ).

2. Trong quá trình kinh doanh, tùy theo yêu cầu phát triển từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty mẹ theo đề nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Cơ quan đại diện chủ sở hữu), ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn điều lệ với mức tương đương với mức vốn của dự án quan trọng quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

Trình tự lập, phê duyệt hồ sơ và thực hiện đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ thực hiện theo quy định hiện hành.

Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Công ty mẹ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh.

3. Trường hợp Công ty mẹ không có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ hoặc không lập phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định tại Điều 19 Quy chế này mà vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản) trên báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ lớn hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt của năm trước liền kề, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm rà soát, quyết định và chỉ đạo việc Công ty mẹ thực hiện nộp phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ trong việc sử dụng vốn và các quỹ do Công ty mẹ quản lý

1. Công ty mẹ được quyền quản lý và sử dụng số vốn do Nhà nước đã đầu tư, các loại nguồn vốn hợp pháp khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ với mục tiêu thu lợi nhuận; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến Công ty mẹ như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

2. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Công ty mẹ trực tiếp quản lý và hạch toán vào vốn chủ sở hữu toàn bộ vốn góp của Chính phủ Việt Nam trong Liên doanh Việt - Nga "Vietsovetro" theo Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 27 tháng 12 năm 2010 và quy định của pháp luật Việt Nam, Công ty mẹ có trách nhiệm quản lý và giám sát hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Liên doanh Việt - Nga "Vietsovetro" theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Công ty mẹ có trách nhiệm bảo toàn vốn nhà nước tại công ty mẹ bằng các biện pháp theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu cụ thể:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định hiện hành, gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Công ty mẹ phải báo cáo mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu với cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính để theo dõi, giám sát. Định kỳ 6 tháng, hàng năm Công ty mẹ phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo quy định.

6. Khi đánh giá mức độ bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động, Công ty mẹ được loại trừ những ảnh hưởng của các yếu tố sau:

a) Do Nhà nước điều chuyển vốn chủ sở hữu;

b) Do nguyên nhân khách quan như: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

c) Do đầu tư mở rộng phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong hai năm đầu tiên kể từ năm đưa công trình đầu tư vào sử dụng;

d) Do Nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm do Nhà nước định giá) làm ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp hoặc phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Huy động vốn

1. Công ty mẹ được quyền vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp, của người lao động; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư hàng năm của Công ty mẹ;

b) Phương án huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ;

c) Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;

d) Đối với việc huy động vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước, Công ty mẹ phải thực hiện thông qua hợp đồng với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật.

Trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Đối với việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Công ty mẹ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Đối với việc huy động vốn nước ngoài dưới hình thức tự vay, tự trả của Công ty mẹ, thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, pháp luật về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật khác liên quan, trong đó, Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương khoản vay để gửi Bộ Tài chính có ý kiến theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế;

g) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật;

h) Công ty mẹ sử dụng vốn vay đúng mục đích, tự chịu mọi rủi ro, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu của Công ty mẹ và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ đúng hạn.

3. Thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn được thực hiện theo Điều lệ của Công ty mẹ.

Trường hợp Công ty mẹ có tổng nhu cầu huy động vốn vượt mức phân cấp; huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, Hội đồng thành viên Công ty mẹ phải báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm thông báo với Bộ Tài chính để phối hợp theo dõi và giám sát.

4. Công ty mẹ được bảo lãnh cho các công ty con vay vốn tại các tổ chức tín dụng và tài chính theo nguyên tắc sau đây:

a) Doanh nghiệp được bảo lãnh phải có tình hình tài chính lành mạnh, không có các khoản nợ quá hạn; việc bảo lãnh vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phải trên cơ sở thâm định hiệu quả của dự án đầu tư và phải có cam kết trả nợ đúng hạn đối với khoản vay được bảo lãnh;

b) Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với một công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ không quá giá trị vốn chủ sở hữu của công ty con theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm bảo lãnh;

c) Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với công ty con do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được vượt quá giá trị vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại thời điểm bảo lãnh.

5. Tổng mức vốn huy động để phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty mẹ (bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn của các công ty con do Công ty mẹ thực hiện) phải bảo đảm hệ số nợ phải trả không quá ba lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn theo thẩm quyền quy định. Trong đó:

a) Vốn chủ sở hữu ghi trên Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ được xác định không bao gồm chỉ tiêu “Nguồn kinh phí và quỹ khác”;

b) Nợ phải trả ghi trên Bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ được xác định không bao gồm các chỉ tiêu: “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”, “Quỹ bình ổn giá” (nếu có), “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”.

Điều 7. Chuyển nợ vay khi bàn giao dự án

1. Đối với những hợp đồng tín dụng do Công ty mẹ vay để đầu tư các công trình/dự án sau đó được chuyển giao sang các công ty con theo quyết định/phê duyệt chấp thuận của cấp có thẩm quyền thì Công ty mẹ phải thỏa thuận với các tổ chức cho vay, bên bảo lãnh cho vay để đổi chủ thể hợp đồng vay sang các công ty tiếp nhận các dự án từ Công ty mẹ.

2. Trường hợp các tổ chức cho vay, bên bảo lãnh cho vay không đồng ý chuyển đổi chủ thể vay thì Công ty mẹ tiếp tục đứng tên là chủ thể vay thực hiện trả nợ vay cho các tổ chức tín dụng và ký thỏa thuận chuyển nợ vay cho các công ty tiếp nhận dự án theo quy định của pháp luật với các nội dung cơ bản sau:

- Các công ty tiếp nhận dự án do Công ty mẹ chuyển giao có trách nhiệm quản lý, hạch toán tăng tài sản cố định, thực hiện trích khấu hao theo quy định.

- Các điều khoản tại thỏa thuận chuyển nợ vay phải đảm bảo lợi ích của Công ty mẹ khi so sánh với hợp đồng vay của Công ty mẹ với các tổ chức tín dụng.

- Định kỳ các công ty tiếp nhận dự án/công trình phải thực hiện chuyển cho Công ty mẹ số tiền tương ứng với số nợ (bao gồm cả gốc và lãi) mà Công ty mẹ phải trả cho các tổ chức cho vay và khoản chi phí mà Công ty mẹ phải bỏ ra để phục vụ cho việc vay và trả nợ vay đối với công trình Công ty mẹ chuyển giao cho công ty quản lý.

- Đối với các khoản chuyển nợ vay dưới hình thức ký thỏa thuận chuyển nợ vay đối với công ty tiếp nhận công trình/dự án, Công ty mẹ có trách nhiệm giám sát, đánh giá khả năng trả nợ của các công ty tiếp nhận công trình/dự án để có các giải pháp đảm bảo thanh toán nợ.

Điều 8. Đầu tư, chuyển nhượng vốn ra ngoài Công ty mẹ

1. Nguyên tắc đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ:

a) Công ty mẹ được phép sử dụng vốn, tài sản, quyền sử dụng đất của Công ty mẹ để đầu tư ra ngoài theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Việc đầu tư ra ngoài của Công ty mẹ phải tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty mẹ được Chính phủ phê duyệt; phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty mẹ và phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư;

c) Công ty mẹ không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán, trừ những trường hợp đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với khoản vốn đã góp, đầu tư tại các lĩnh vực nêu trên không thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư, Công ty mẹ có trách nhiệm lập phương án cơ cấu lại, thoái toàn bộ số vốn đã đầu tư theo quy định;

d) Công ty mẹ không được góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty mẹ;

đ) Công ty mẹ không được góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh trừ các Hợp đồng tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí.

2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty mẹ:

a) Đầu tư thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

b) Góp vốn để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; góp vốn thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới, bao gồm việc góp vốn theo gọi vốn của người điều hành, pháp nhân điều hành dự án dầu khí;

c) Mua cổ phần tại các công ty cổ phần, mua phần vốn góp hoặc góp vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh;

d) Mua toàn bộ doanh nghiệp khác;

đ) Mua công trái, trái phiếu;

e) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra ngoài Công ty mẹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ và pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

Trường hợp dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị lớn hơn mức quy định đối với Hội đồng thành viên, dự án góp vốn liên doanh của doanh nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dự án đầu tư vào doanh nghiệp khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Hội đồng thành viên Công ty mẹ báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt chủ trương trước khi quyết định.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư ra ngoài công ty mẹ theo quy định. Trường hợp Công ty mẹ có hoạt động đầu tư vốn ra bên ngoài không đúng đối tượng nhưng không thực hiện điều chỉnh cơ cấu đầu tư như quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và xử lý trách nhiệm đối với Hội đồng thành viên Công ty mẹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ:

Việc chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty mẹ (bao gồm cả việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành của pháp luật và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Phản ánh đầy đủ giá trị thực tế doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bảo đảm nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch;

- Việc xác định giá khởi điểm đối với phần vốn Công ty mẹ trước khi tổ chức bán đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh hoặc thỏa thuận được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn Công ty mẹ tại doanh nghiệp bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn.

6. Đối với việc sử dụng vốn, tài sản của Công ty mẹ để đầu tư ra nước ngoài phải tuân thủ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định khác của pháp luật có liên quan về đầu tư ra nước ngoài.

Điều 9. Quản lý các khoản nợ phải trả

Công ty mẹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý nợ phải trả; trong đó:

1. Xây dựng, ban hành, thực hiện quy chế quản lý nợ phải trả. Quy chế quản lý nợ phải trả quy định trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, đối chiếu, xác nhận, thanh toán nợ.

2. Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả.

3. Theo dõi nợ phải trả theo từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại nợ; xây dựng kế hoạch thanh toán nợ, cân đối dòng tiền bảo đảm thanh toán nợ; thanh toán các khoản nợ theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn; các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập khác của Công ty mẹ.

4. Trường hợp quản lý để phát sinh nợ phải trả quá hạn, nợ không có khả năng thanh toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà Hội đồng thành viên công ty mẹ, người có liên quan phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty mẹ.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY MẸ

Điều 10. Tài sản của Công ty mẹ

1. Tài sản của Công ty mẹ được hình thành từ vốn nhà nước đầu tư tại Công ty mẹ, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Công ty mẹ trực tiếp quản lý và sử dụng. Tài sản của Công ty mẹ bao gồm:

a) Tài sản cố định, bất động sản đầu tư, các khoản phải thu dài hạn, tài sản dài hạn khác và tài sản ngắn hạn của văn phòng Công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, ban quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp;

b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm: vốn Công ty mẹ đầu tư vào công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu; vốn góp trong các công ty cổ phần, công ty liên doanh và các doanh nghiệp khác; vốn góp trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh; các khoản đầu tư trái phiếu, tín phiếu dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác;

c) Công ty mẹ là đại diện cho nước chủ nhà ký kết các hợp đồng dầu khí theo Luật Dầu khí, thực hiện rà soát, chuyển đổi chủ thể tại các hợp đồng mua khí từ các mỏ về Công ty mẹ.

2. Tài sản của Công ty mẹ không bao gồm tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu, tài sản của công ty cổ phần mà Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối.

3. Đối với tài sản dầu khí chưa được thu hồi do nhà thầu để lại cho nước chủ nhà được xử lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Tài sản cố định, đầu tư tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định

1. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về trích lập, quản lý và sử dụng khấu hao tài sản cố định.

2. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo Điều lệ của Công ty mẹ.

3. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

a) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định do Công ty mẹ thực hiện, quá trình đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định bên ngoài đưa về sử dụng, Công ty mẹ phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Đối với đầu tư, mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung, Công ty mẹ phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của Chính phủ.

4. Người quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, mua, bán không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

5. Công ty mẹ được thuê tài sản (bao gồm cả hình thức thuê tài chính) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của Công ty mẹ và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

1. Công ty mẹ được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty mẹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn, và phát triển vốn theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định việc cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thực hiện theo Điều lệ của Công ty mẹ.

3. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 13. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Công ty mẹ được quyền chủ động và có trách nhiệm nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc thanh lý, nhượng bán tài sản gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thực hiện theo Điều lệ của Công ty mẹ.

3. Nguyên tắc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Trường hợp nhượng bán tài sản cố định của Công ty mẹ không có khả năng thu hồi đủ vốn, Công ty mẹ phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

b) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty mẹ không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn dẫn tới Công ty mẹ không trả được nợ vay theo kế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Đối với việc nhượng bán thanh lý tài sản mang tính chất đặc thù của ngành dầu khí thì ngoài việc chấp hành quy định của Nghị định này còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

Việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Công ty mẹ tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Tổng giám đốc quyết định lựa chọn bán

theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Công ty mẹ được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên. Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản:

a) Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định thành lập hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại Công ty mẹ. Thành phần hội đồng gồm: Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các trưởng ban có liên quan; đại diện Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tại Công ty mẹ và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần). Nhiệm vụ của hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty mẹ gồm:

- Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán;
- Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến trường hợp tài sản cố định mới đầu tư không mang lại hiệu quả kinh tế phải nhượng bán nhưng không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư, tài sản chưa khấu hao hết đã bị hư hỏng không thể sửa chữa được phải thanh lý, nhượng bán để báo cáo chủ sở hữu xử lý theo quy định;
- Tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán;
- Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá các loại tài sản thanh lý nhượng bán theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Công ty mẹ.

b) Trường hợp khi Công ty mẹ thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty mẹ phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của Công ty mẹ thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

Điều 14. Quản lý hàng hóa tồn kho

1. Hàng hóa tồn kho là hàng hóa mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang

đang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Công ty mẹ có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Công ty mẹ phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Điều 15. Quản lý các khoản nợ phải thu

Công ty mẹ có trách nhiệm:

1. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi nợ phải thu.

2. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đơn đốc thu hồi nợ.

3. Được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, gồm cả nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Công ty mẹ chỉ được bán nợ cho các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được trực tiếp bán nợ cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán các khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ dẫn tới bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng phải giải thể, phá sản thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty mẹ và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty mẹ và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty mẹ.

4. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ), Công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đơn đốc thanh toán

nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc là các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ là tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Công ty mẹ phải trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tài chính hiện hành.

5. Công ty mẹ có trách nhiệm xử lý nợ phải thu không có khả năng thu hồi. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể liên quan được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí kinh doanh của Công ty mẹ.

Đối với những khoản nợ không có khả năng thu hồi sau khi đã xử lý như trên, Công ty mẹ phải theo dõi trên hệ thống quản trị của mình, trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được ghi nhận vào thu nhập khác của Công ty mẹ.

6. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty mẹ có trách nhiệm xử lý, báo cáo kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được.

Điều 16. Kiểm kê tài sản

1. Công ty mẹ phải tổ chức kiểm kê định kỳ hoặc đột xuất, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính theo quy định; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty mẹ; hoặc theo quy định của Nhà nước. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

2. Xử lý tổn thất tài sản

a) Xử lý tổn thất tài sản sau kiểm kê:

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém hoặc mất phẩm chất, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho, ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Công ty mẹ phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Hội đồng thành viên quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc đã quyết định;

- Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm;

- Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp khoản bồi thường chưa xác định được ngay tại kỳ kế toán phát sinh tổn thất tài sản thì sẽ được ghi nhận là thu nhập khác cho kỳ kế toán xác định được khoản bồi thường;

- Trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty mẹ không thể tự khắc phục được thì Hội đồng thành viên Công ty mẹ lập phương án xử lý tổn thất trình Thủ tướng Chính phủ và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Tài chính. Sau khi có ý kiến của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền;

- Công ty mẹ có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính Công ty mẹ.

b) Tài sản thừa sau kiểm kê:

Tài sản thừa sau kiểm kê là chênh lệch giữa số tài sản thực tế kiểm kê với số tài sản ghi trên sổ sách kế toán. Trường hợp tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì giá trị tài sản thừa được hạch toán vào phải trả, phải nộp khác. Trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

Điều 17. Đánh giá lại tài sản

1. Công ty mẹ thực hiện đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

- c) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty mẹ;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

Mục 3

CHẾ ĐỘ THU CHI TÀI CHÍNH

Điều 18. Các khoản thu của Nhà nước

1. Các khoản thuế và thu ngân sách phải nộp theo quy định của pháp luật.
2. Thu chênh lệch giá khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thu tiền khí đồng hành mỏ Bạch Hổ và các mỏ khác theo quy định hiện hành.
3. Thu vào ngân sách nhà nước 100% tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia từ các hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (sau khi đã trừ 1,5% để Công ty mẹ bù đắp chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí), tiền lãi dầu khí và các khoản khác được chia từ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro”, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí.
4. Thu vào ngân sách nhà nước 100% tiền thu về hoa hồng dầu khí các loại (hoa hồng chữ ký, hoa hồng phát hiện, hoa hồng sản xuất...); khoản tiền đền bù do không thực hiện đầy đủ cam kết tối thiểu của nhà thầu trong các Hợp đồng dầu khí.
5. Hàng năm, trong trường hợp Chính phủ không có quy định khác, Công ty mẹ phải xây dựng kế hoạch về nhu cầu chi ngoại tệ báo cáo Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ nhu cầu chi ngoại tệ, Công ty mẹ được sử dụng một phần số ngoại tệ phải nộp ngân sách nhà nước để cân đối cho nhu cầu chi tiêu ngoại tệ nhưng không vượt quá 30% nhu cầu chi ngoại tệ của Công ty mẹ. Phần còn thiếu, Công ty mẹ tự cân đối. Các khoản thu nộp ngân sách nhà nước tương ứng với số ngoại tệ nói trên sẽ được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo quy định.

Căn cứ khả năng cân đối ngoại tệ của ngân sách nhà nước và nhu cầu chi ngoại tệ của Công ty mẹ; Bộ Tài chính xem xét, quyết định và thông báo về khả năng cân

đổi cho Công ty mẹ được sử dụng một phần từ số ngoại tệ phải nộp ngân sách nhà nước hàng năm.

Công ty mẹ thực hiện giao dịch thu, chi bằng ngoại tệ theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

Điều 19. Quản lý, sử dụng các khoản tiền Nhà nước đầu tư lại cho Công ty mẹ

1. Nhà nước đầu tư trở lại nguồn lãi nước chủ nhà từ ngân sách nhà nước cho Công ty mẹ theo hình thức đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Quy trình thủ tục đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ từ nguồn lãi nước chủ nhà thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định sau:

a) Căn cứ chiến lược phát triển ngành dầu khí, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh 05 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn, Công ty mẹ xây dựng phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Hàng năm, căn cứ nhu cầu, phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Công ty mẹ dự kiến mức đầu tư bổ sung vốn điều lệ gửi Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét cho ý kiến, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước (nguồn lãi nước chủ nhà đầu tư trở lại), báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Căn cứ dự toán đầu tư bổ sung vốn điều lệ từ nguồn chi đầu tư phát triển (nguồn lãi nước chủ nhà đầu tư trở lại) của ngân sách nhà nước hàng năm được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chỉ đạo Công ty mẹ lập hồ sơ đầu tư bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Hội đồng thành viên Công ty mẹ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển nguồn lãi dầu, khí nước chủ nhà đầu tư trở lại theo đúng quy định pháp luật.

Khoản lãi dầu, khí nước chủ nhà đầu tư trở lại bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ được sử dụng để tham gia thực hiện các dự án trọng điểm dầu khí (theo tiêu chí, danh mục do Bộ Công Thương đề xuất, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt), các dự án tìm kiếm thăm dò dầu khí phục vụ mục đích an ninh quốc phòng và các dự án khác được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 20. Doanh thu của Công ty mẹ

Doanh thu của Công ty mẹ bao gồm doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác do Công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc thực hiện.

1. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ, bao gồm:

a) Tiền bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ, gồm cả 1,5% tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà của các Hợp đồng dầu khí để Công ty mẹ bù đắp các chi phí quản lý, giám sát các hợp đồng dầu khí;

b) Tiền lãi dầu khí sau thuế Công ty mẹ được chia với tư cách nhà thầu;

c) Tiền dầu khí thu hồi chi phí thu được từ các hợp đồng dầu khí với tư cách nhà thầu;

d) Các khoản thu khác của Công ty mẹ với vai trò nhà thầu trong các hợp đồng dầu khí.

2. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

a) Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền; tiền lãi từ việc cho vay vốn; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp;

b) Lãi tỷ giá hối đoái, bao gồm cả lãi do bán ngoại tệ;

c) Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư ra ngoài Công ty mẹ;

d) Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư ra ngoài Công ty mẹ; bao gồm cả các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư của Công ty mẹ tại nước ngoài nhưng để lại lợi nhuận được chia (đối với trường hợp liên doanh) hoặc lợi nhuận sau thuế (đối với trường hợp không có sự tham gia góp vốn của đối tác nước ngoài) nhằm

mục đích đầu tư (góp vốn trực tiếp hoặc cho dự án vay lại) hoặc sử dụng để đầu tư cho những dự án khác.

Đối với lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài, Công ty mẹ thực hiện kê khai nộp thuế ở Việt Nam theo quy định Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

đ) Tiền lãi dầu khí và các khoản khác được chia cho bên Việt Nam từ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovetro”;

e) Các khoản thu khác từ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovetro” và từ các Hợp đồng dầu khí theo quy định;

g) Các khoản thu khác theo quy định.

3. Thu nhập khác gồm:

a) Các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định;

b) Thu tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm; các khoản nợ phải trả nay mất chủ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

c) Các khoản thu khác được ghi tăng thu nhập theo quy định.

4. Doanh thu và thu nhập khác để xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 21. Chi phí, quản lý chi phí của Công ty mẹ

1. Chi phí của Công ty mẹ bao gồm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí khác của Công ty mẹ, đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp thuộc Công ty mẹ.

a) Chi phí sản xuất kinh doanh:

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

- Chi phí tiền lương, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Hội đồng thành viên quyết định theo quy định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chi phí tiền lương, thù lao của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chi phí thực hiện chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật, gồm:

+ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

+ Bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế;

+ Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm;

+ Kinh phí công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn;

+ Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo quy định của Bộ luật Lao động;

+ Chi phí cho lao động nữ;

+ Tiền ăn ca theo quy định của pháp luật;

+ Chi phí an toàn vệ sinh lao động theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động;

+ Các khoản tiền khác được chi theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể của Công ty mẹ.

- Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Chi phí thu hồi dầu khí tương ứng tiền dầu, khí được thu hồi theo Hợp đồng dầu khí.

Trường hợp, đến thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí, hoặc kết thúc dự án phát triển khai thác, thu hồi chi phí theo hợp đồng không đủ bù đắp chi phí hoạt động dầu khí thì phần chi phí còn lại chưa được thu hồi, sau khi có quyết định kết thúc dự án và quyết toán chi phí của cấp có thẩm quyền, được phân bổ vào chi phí doanh nghiệp (chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp) trong thời gian không quá 05 năm.

- Các khoản chi phí không có khả năng thu hồi của dự án dầu khí đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

- Chi phí bằng tiền khác gồm:
 - + Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
 - + Tiền thuê đất;
 - + Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;
 - + Chi cho công tác y tế;
 - + Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;
 - + Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);
 - + Các khoản chi phí bằng tiền khác theo quy định.
 - Các khoản chi cho việc quản lý, giám sát các Hợp đồng dầu khí, Hiệp định Liên Chính phủ tại Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro" mà nhà nước giao cho Công ty mẹ thực hiện.
 - Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định.
 - Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp trích lập theo quy định, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.
- b) Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm:
- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
 - Chi phí cho vay và đi vay vốn;
 - Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết;
 - Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn;
 - Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh;
 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
 - Lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái;
 - Các chi phí khác theo quy định.

c) Chi phí khác, bao gồm:

- Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán;

- Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

- Chi phí để thu tiền phạt;

- Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng sau khi trừ đi các khoản xử lý trách nhiệm (nếu có);

- Các chi phí khác theo quy định.

2. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;

b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng;

c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ.

3. Các khoản chi phí được trừ để tính thu nhập chịu thuế thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

4. Xử lý thu hồi chi phí dự án tìm kiếm, thăm dò, phát triển dầu khí không thành công:

Chi phí tìm kiếm, thăm dò, phát triển dầu khí của dự án tìm kiếm, thăm dò, phát triển dầu khí không thành công; sau khi có quyết định kết thúc dự án và quyết toán chi phí của cấp có thẩm quyền, được phân bổ vào chi phí doanh nghiệp (chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp) trong thời gian không quá 05 năm.

5. Quản lý chi phí của Công ty mẹ: việc quản lý chi phí của Công ty mẹ thực hiện theo quy định hiện hành đối với doanh nghiệp và các quy định sau đây:

a) Hội đồng thành viên Công ty mẹ ban hành các quy định về quản lý chi phí hoạt động dầu khí sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Tổng giám đốc Công ty mẹ xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản

lý, trình độ trang bị để làm căn cứ điều hành sản xuất và quản lý chi phí của Công ty mẹ trình Hội đồng thành viên phê duyệt;

c) Công ty mẹ phải xây dựng định mức lao động, trên cơ sở định mức lao động đã xây dựng và chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, Tổng giám đốc Công ty mẹ xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch trình Hội đồng thành viên phê duyệt theo quy định.

Mục 4

LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 22. Lợi nhuận của Công ty mẹ

Lợi nhuận của Công ty mẹ gồm lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư vốn của Công ty mẹ, lợi nhuận khác của Công ty mẹ và đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ.

1. Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

a) Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ;

b) Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

2. Lợi nhuận các hoạt động khác là khoản chênh lệch giữa thu nhập từ các hoạt động khác với chi phí của hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

Điều 23. Phân phối lợi nhuận của Công ty mẹ

Lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại phân phối như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

3. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích không quá 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Công ty mẹ xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty mẹ xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty mẹ xếp loại C được trích 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

Công ty mẹ không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên:

- Công ty mẹ xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

- Công ty mẹ xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên;

- Công ty mẹ xếp loại C hoặc doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên.

d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm a khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Công ty mẹ được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

đ) Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập theo quy định tại các điểm a, b, c khoản này được nộp về ngân sách nhà nước.

4. Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định việc phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

Điều 24. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Nguyên tắc sử dụng các quỹ:

a) Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo đúng quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

b) Việc sử dụng các quỹ của Công ty mẹ phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

- Công ty mẹ phải xây dựng, ban hành quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ Công ty mẹ; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch và công khai trong Công ty mẹ trước khi thực hiện. Riêng quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi cần có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn Công ty mẹ trước khi được ban hành.

- Trong năm tài chính, Công ty mẹ chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty mẹ có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Mục đích sử dụng Quỹ:

a) Quỹ đầu tư phát triển:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho Công ty mẹ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và thực hiện chi các nội dung theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

b) Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo của Công ty mẹ được hình thành từ nguồn thu "cam kết nghĩa vụ đào tạo" trong các Hợp đồng dầu khí. Quỹ được sử dụng để duy trì, phát triển sự nghiệp nghiên cứu khoa học, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân viên của ngành dầu khí. Mức dư quỹ hàng năm không vượt quá 1% vốn điều lệ, vượt mức đó kết chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển. Trường hợp với mức dư quỹ 1% vốn điều lệ mà không đủ để trang trải cho nhu cầu đào tạo thì Hội đồng thành viên báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định.

Việc sử dụng Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo của Công ty mẹ thực hiện theo quy chế quản lý, sử dụng quỹ do Hội đồng thành viên Công ty mẹ phê duyệt ban hành, sau khi có ý kiến chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm của Công ty mẹ. Hội đồng thành viên quyết định mức trích hàng năm trên cơ sở nhu cầu chi cho mục đích này.

Việc quản lý, sử dụng, quyết toán quỹ này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

d) Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường được trích từ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm của doanh nghiệp để bù đắp một phần hoặc toàn bộ thiệt hại đối với rủi ro về môi trường do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gây ra.

Việc trích lập, sử dụng và quyết toán quỹ này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ) Quỹ khen thưởng của Công ty mẹ:

- Quỹ khen thưởng của Công ty mẹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ và nguồn đóng góp khác (nếu có); Quỹ được sử dụng để thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên, thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty mẹ; thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty mẹ có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty mẹ;

- Đối tượng được chia Quỹ khen thưởng là toàn bộ người lao động của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp làm việc theo hợp đồng lao động);

- Quỹ khen thưởng của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không dùng để chi thưởng cho đối tượng là người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm (trừ khoản thưởng theo quy định pháp luật về thi đua khen thưởng);

- Mức thưởng theo quy định tại điểm đ khoản này do Tổng giám đốc Công ty mẹ quyết định được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của Công ty mẹ.

e) Quỹ phúc lợi tập trung được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ và nguồn đóng góp khác (nếu có). Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty mẹ;

- Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty mẹ bao gồm cả người quản lý, kiểm soát viên của Công ty mẹ làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý, kiểm soát viên của Công ty mẹ do nhà nước bổ nhiệm;

- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

- Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội;

- Mức chi sử dụng quỹ do Tổng giám đốc Công ty mẹ quyết định được ghi trong quy chế quản lý, sử dụng quỹ của Công ty mẹ.

g) Quỹ thưởng người quản lý Công ty mẹ, Kiểm soát viên được sử dụng để:

- Thưởng hàng năm; thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty mẹ;

- Mức thưởng hàng năm và thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty mẹ;

- Trường hợp Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty mẹ được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng thì Công ty mẹ sử dụng nguồn quỹ khen thưởng của Công ty mẹ để chi thưởng cho các đối tượng nêu trên theo mức thưởng mà pháp luật về thi đua khen thưởng đã quy định đối với từng hình thức thi đua, khen thưởng.

h) Quỹ đảm bảo nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn công trình dầu khí (Quỹ thu dọn mỏ) do nhà thầu trích để bảo đảm nghĩa vụ tài chính cho việc thu dọn mỏ.

Trong thời gian chưa sử dụng Quỹ thu dọn mỏ, Công ty mẹ gửi số tiền của Quỹ vào các tài khoản tại các ngân hàng thương mại có hoạt động ổn định. Tiền lãi phát sinh hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước được ghi tăng vào Quỹ thu dọn mỏ.

Việc quản lý, sử dụng Quỹ thu dọn mỏ thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động dầu khí. Công ty mẹ có trách nhiệm thực hiện việc quản lý và bảo toàn Quỹ thu dọn mỏ, đảm bảo sử dụng Quỹ đúng quy định.

Mục 5
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN,
THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN

Điều 25. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Công ty mẹ xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với kế hoạch định hướng của Công ty mẹ đã được quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm, căn cứ vào năng lực của Công ty mẹ và nhu cầu thị trường, Công ty mẹ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên quyết định, Công ty mẹ thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi Bộ Tài chính, Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty mẹ lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản đề Công ty mẹ hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho Bộ Tài chính, Cơ quan đại diện chủ sở hữu giám sát, đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Điều 26. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán

Công ty mẹ phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành; lập, ghi chép chứng từ ban đầu, cập nhật số liệu trong sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

Hàng năm, Công ty mẹ thực hiện việc kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính năm, kiểm toán nội bộ theo quy định và phối hợp với cơ quan kiểm toán nhà nước để được kiểm toán theo chương trình công tác của Kiểm toán Nhà nước.

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phải được kiểm toán trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai.

Điều 27. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (quý, năm) Công ty mẹ phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

2. Ngoài các báo cáo gửi theo quy định chung, Công ty mẹ còn phải lập và gửi Bộ Tài chính, Cơ quan đại diện chủ sở hữu các báo cáo:

a) Trước ngày 10 của tháng kế tiếp; báo cáo tình hình thực hiện hàng tháng và dự kiến tháng kế tiếp về khai thác, tiêu thụ và thu nộp về dầu khí có chi tiết theo từng mỏ và từng loại thu.

b) Trước ngày 10 của tháng 01 và tháng 7 hàng năm, báo cáo định kỳ 6 tháng về tình hình cấp vốn và thực hiện đầu tư các dự án đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển và từ nguồn Nhà nước đầu tư lại từ tiền lãi dầu, khí của nước chủ nhà theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

c) Báo cáo tình hình thực hiện các dự án theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

d) Trước ngày 15 của tháng đầu quý, báo cáo số phát sinh đã nộp ngân sách nhà nước của quý trước về tiền lãi dầu khí nước chủ nhà được chia, hoa hồng dầu khí các loại, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí.

đ) Báo cáo tình hình sử dụng, kế hoạch thu, chi và nhu cầu được sử dụng một phần từ số ngoại tệ phải nộp ngân sách nhà nước của Tập đoàn hàng năm và hàng quý gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; gồm:

- Báo cáo kế hoạch năm kế tiếp (kèm tài liệu thuyết minh) gửi trước ngày 15 tháng 12 năm báo cáo;

- Báo cáo tình hình thực hiện của quý và kế hoạch quý kế tiếp gửi chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối quý trước;

- Báo cáo về tình hình sử dụng số ngoại tệ để lại của năm thực hiện chậm nhất trước ngày 15 tháng 01 năm kế tiếp.

3. Ngoài các báo cáo nêu trên, Công ty mẹ phải thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của các bộ, ngành có liên quan và cơ quan quản lý nhà nước; trường hợp Công ty mẹ có khoản vay trong nước và vay nước ngoài được

Chính phủ bảo lãnh, Công ty mẹ phải thực hiện lập và gửi báo cáo theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý nợ công.

4. Công ty mẹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính, cơ quan thanh tra, kiểm toán có thẩm quyền đối với công tác tài chính kế toán của Công ty mẹ theo quy định của pháp luật.

5. Công ty mẹ thực hiện việc công bố công khai tình hình tài chính của Công ty mẹ theo quy định và Hội đồng thành viên Công ty mẹ chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung đã công bố.

Mục 6

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 28. Quyền hạn của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thực hiện chức năng quản lý Công ty mẹ, trong phạm vi thẩm quyền của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty mẹ.

2. Nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn nhà nước giao. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ, đảm bảo thực hiện mục tiêu nhà nước giao cho Công ty mẹ. Lập phương án, đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ.

3. Trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương trước khi quyết định đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty mẹ, hợp đồng nhượng, bán tài sản vượt mức phân cấp cho Hội đồng thành viên; chấp thuận phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các Quỹ.

4. Ngoài thẩm quyền quy định tại các điều nêu của Quy chế này và quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ, Hội đồng thành viên quyết định các vấn đề sau đây:

a) Tỷ lệ trích các quỹ theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ là chủ sở hữu;

b) Ban hành quy chế nội bộ về quản lý tài chính Công ty mẹ, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, các định mức chi phí tài chính và các định mức khác;

c) Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm của Công ty mẹ trong thời gian 30 ngày kể từ ngày được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Cử người đại diện phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

5. Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn hàng năm, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, xử lý các khoản lỗ sau khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận; thực hiện việc công bố, công khai các báo cáo tài chính hàng năm theo quy định.

6. Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc, Giám đốc, các đơn vị thành viên trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các mục tiêu Nhà nước giao cho công ty theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện quy chế giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty thành viên theo quy định của Nhà nước.

8. Phê duyệt đề án góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ để thành lập mới các công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

9. Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các dự án góp vốn liên doanh với chủ đầu tư nước ngoài, dự án đầu tư ra nước ngoài của công ty thành viên do mình nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật về đầu tư.

10. Quyết định các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của Công ty mẹ;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty mẹ nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác;

c) Hàng năm phải báo cáo đầy đủ, chính xác, trung thực kết quả quản lý, giám sát hoạt động của Công ty mẹ theo quy định, kết quả xếp hạng của công ty thành viên do Công ty mẹ sở hữu toàn bộ vốn điều lệ; báo cáo kịp thời các nội dung liên quan đến tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty mẹ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Đề nghị với Hội đồng thành viên để trình cấp có thẩm quyền về việc điều chỉnh vốn Điều lệ của Công ty mẹ.

2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty mẹ.

3. Quyết định các dự án đầu tư, dự án đầu tư ra ngoài Công ty mẹ, phương án vay vốn, phương án thanh lý, nhượng bán tài sản theo phân cấp của Hội đồng thành viên. Trình Hội đồng thành viên phê duyệt các dự án, phương án vượt thẩm quyền.

4. Xây dựng để trình Hội đồng thành viên quyết định kế hoạch tài chính dài hạn và kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch kinh doanh; các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty mẹ làm căn cứ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

5. Xác định tỷ lệ trích các quỹ, báo cáo Hội đồng thành viên quyết định.

Điều 31. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của Công ty mẹ.

2. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của Công ty mẹ nhằm thu lợi riêng cho bản thân, gia đình và người khác.

3. Khi Công ty mẹ không thanh toán được các khoản nợ phải trả, các nghĩa vụ tài sản thì phải báo cáo Hội đồng thành viên, thông báo cho các chủ nợ biết, tìm các giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty và không được tăng

lương, trả tiền thưởng cho người lao động, cán bộ quản lý công ty. Nếu không thực hiện các biện pháp này mà gây thiệt hại cho các chủ nợ thì phải chịu trách nhiệm cá nhân với các thiệt hại đó.

4. Trường hợp vi phạm Điều lệ của Công ty mẹ, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty mẹ và Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty mẹ.

5. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động của Công ty mẹ.

6. Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của Công ty mẹ; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Công ty mẹ.

7. Lập và trình Hội đồng thành viên thông qua báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

8. Hàng năm, Tổng giám đốc phải có báo cáo về kết quả điều hành hoạt động của Công ty mẹ gửi Hội đồng thành viên.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY MẸ ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn của Công ty mẹ đầu tư vào doanh nghiệp khác

1. Công ty mẹ thực hiện việc quản lý tài chính đối với công ty con do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ và quản lý phần vốn góp của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, trong đó:

a) Công ty mẹ phải ban hành quy chế tài chính của công ty con do mình nắm giữ 100% vốn điều lệ, trong đó quy định cụ thể việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế, thu lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ, thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ về Công ty mẹ;

b) Các khoản thu lợi nhuận sau thuế, chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ về Công ty mẹ là doanh thu hoạt động tài chính của Công ty mẹ.

Trường hợp vốn chủ sở hữu được xác định trên báo cáo tài chính năm tại công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ lớn hơn mức vốn điều lệ được phê duyệt mà các công ty con không có nhu cầu điều chỉnh tăng vốn điều lệ thì Công ty mẹ thực hiện điều chuyển khoản chênh lệch theo quy định hiện hành của pháp luật;

c) Trường hợp Công ty mẹ nhận được cổ phiếu của công ty cổ phần có vốn góp của Công ty mẹ mà không phải thanh toán do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, Công ty mẹ căn cứ vào số lượng cổ phiếu nhận được thực hiện mở sổ kế toán theo dõi, ghi chép và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

2. Việc cử và tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 46 và Điều 47 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ với tư cách chủ sở hữu vốn đối với công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Quyết định thành lập (sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương), vốn điều lệ khi thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty con;

b) Ban hành quy chế tài chính của công ty con;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kiểm soát viên của Công ty con;

d) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của công ty con;

đ) Phê duyệt, sửa đổi điều lệ của công ty con;

e) Phê duyệt phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định có mức vốn không vượt quá dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công và có giá trị trên 50% vốn Điều lệ của công ty con được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của công ty con tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn quy định tại điều lệ của công ty con. Trường hợp vượt mức nêu trên, Công ty mẹ phê duyệt sau khi có chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm của công ty con;

h) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn Công ty mẹ đầu tư vào công ty con.

4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty mẹ với tư cách chủ sở hữu phần vốn góp tại Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

a) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng, giảm vốn, thu hồi vốn hoặc chuyển nhượng quyền mua, quyền góp vốn đầu tư vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty mẹ;

b) Quy định tiêu chuẩn, cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn Công ty mẹ theo quy định;

c) Giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn của Công ty mẹ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty mẹ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

d) Giao người đại diện phần vốn của Công ty mẹ yêu cầu công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên kịp thời chuyển phân lợi nhuận,

cổ tức được chia hoặc thu hồi vốn đầu tư về Công ty mẹ; giám sát việc thu hồi vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia;

đ) Yêu cầu người đại diện phần vốn của Công ty mẹ báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện trong việc định hướng doanh nghiệp mà Công ty mẹ có quyền chi phối để thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Công ty mẹ;

e) Yêu cầu người đại diện phần vốn của doanh nghiệp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

g) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời thiếu sót, yếu kém của người đại diện.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại doanh nghiệp khác

1. Báo cáo, xin ý kiến bằng văn bản Công ty mẹ trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây:

a) Ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh;

b) Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng hoặc giảm vốn điều lệ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc;

c) Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp;

d) Tổ chức lại, giải thể, phá sản;

đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.

2. Báo cáo kịp thời về việc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

3. Định kỳ hàng quý, hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của Công ty mẹ, người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tổng hợp, báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp.

4. Không được tiếp tục làm người đại diện khi thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của doanh nghiệp.

6. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 34. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên trong việc quản lý vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác

Hội đồng thành viên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư ra ngoài Công ty mẹ; thu lợi nhuận từ việc đầu tư này; cử người quản lý trực tiếp phần vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI CHÍNH

ĐỐI VỚI CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Điều 35. Đối với Chính phủ

Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ban hành Nghị định về Quy chế tài chính của Công ty mẹ, giao Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện quyền của chủ sở hữu về lĩnh vực tài chính.

Điều 36. Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi tổng hợp ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định

của pháp luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 37. Bộ Tài chính

1. Phối hợp với Cơ quan đại diện chủ sở hữu để trình Thủ tướng Chính phủ về phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ.

Chủ trì, phối hợp với Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến khả năng nguồn lãi nước chủ nhà đầu tư trở lại cho Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Trên cơ sở đề nghị của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, trình Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

3. Hướng dẫn việc thực hiện nộp và quyết toán các khoản thu quy định tại Điều 18 Quy chế này.

4. Phối hợp với Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào Công ty mẹ; kiểm tra việc thực hiện Nghị định về Quy chế tài chính đối với Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

5. Phối hợp với Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, xếp loại của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 38. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

1. Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phương án tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ trên cơ sở phương án đề xuất của Hội đồng thành viên Công ty mẹ.

2. Phê duyệt chủ trương theo thẩm quyền trước khi Hội đồng thành viên Công ty mẹ quyết định đầu tư và xây dựng, đầu tư ra ngoài Công ty mẹ, hợp đồng vay, cho vay, nhượng, bán tài sản vượt mức phân cấp cho Hội đồng thành viên Công ty mẹ.

3. Chấp thuận đề Hội đồng thành viên phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các Quỹ; Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

4. Chủ trì thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào Công ty mẹ, khoản tiền lãi dầu khí nước chủ nhà đầu tư trở lại cho công ty mẹ tại khoản 3 Điều 19, các quỹ Công ty mẹ được giao quản lý; kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

5. Chủ trì thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

6. Quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 39. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, cập nhật các tiêu chí, danh mục dự án trọng điểm dầu khí sử dụng tiền lãi dầu khí nước chủ nhà cấp lại cho Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Xử lý chuyển tiếp

1. Xử lý số dư Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí:

Khi lập báo cáo tài chính năm 2020, toàn bộ số dư của nguồn Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty mẹ kết chuyển vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty mẹ để tiếp tục sử dụng theo kế hoạch và mục đích đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Đối với các dự án được sử dụng từ nguồn Quỹ tìm kiếm thăm dò do Công ty mẹ và công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ tham gia với tư cách là nhà đầu tư đang trong thời gian thực hiện các thủ tục quyết toán thì việc thực hiện quyết toán các dự án này được áp dụng theo các quy định tại Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí và Thông tư

số 17/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Đối với các dự án đã và đang triển khai được sử dụng từ nguồn Quỹ tìm kiếm thăm dò do Công ty mẹ và công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ tham gia với tư cách là nhà đầu tư được tiếp tục sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này để triển khai và quyết toán theo quy định pháp luật.

Trường hợp các dự án sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò được thực hiện bởi công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ tham gia với tư cách là nhà đầu tư có phát hiện thương mại nhưng công ty con chưa đủ điều kiện tăng vốn theo quy định thì công ty con sẽ hoàn trả Quỹ đầu tư phát triển (nguồn kết dư Quỹ tìm kiếm thăm dò) từ 100% dầu, khí thu hồi chi phí của công ty con trong dự án.

3. Xử lý chênh lệch chi phí thu hồi theo hợp đồng dầu khí và chi phí theo sổ sách kế toán tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực:

- Đối với các lô dầu, khí có chi phí còn được thu hồi theo Hợp đồng dầu khí lớn hơn chi phí theo sổ sách kế toán, công ty mẹ thực hiện phân bổ chi phí tương ứng tiền dầu, khí được thu hồi theo hợp đồng dầu khí;

- Đối với các lô dầu khí có chi phí theo sổ sách kế toán lớn hơn chi phí còn được thu hồi theo hợp đồng dầu khí, công ty mẹ thực hiện phân bổ phần chênh lệch theo cơ chế hiện hành (theo tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế và sản lượng dự báo đến hết đời mỏ theo tiêu chí và công thức do Hội đồng thành viên Công ty mẹ phê duyệt).

Điều 41. Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam căn cứ vào Quy chế này chỉ đạo Công ty mẹ thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn phát sinh, đề nghị báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề xuất Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung.